TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG** Bản án số: 295 /2018/DS-PT Ngày: 05 - 9 - 2018 V/v tranh chấp "Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng góp hụi"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hiệp.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Sum.

Bà Trần Thị Kim Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự đối với Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2018/DSST ngày 10/5/2018, của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 198/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1962 (Có mặt).
Địa chỉ: tổ 06, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Bà Phùng Thị T, sinh năm 1964 (Có mặt).
Ông Lê Minh Tr, sinh năm 1963 (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: tổ 06, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông NLQ1, sinh năm 1956 (Có mặt).
Địa chỉ: tổ 06, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* bị đơn Lê Minh Tr, Phùng Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị A trình bày:

Bà là hụi viên, vợ chồng ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T là đầu thảo hụi. Bà có tham gia dây hụi sau:

+ Dây hụi tháng 1.000.000 đồng/phần, khui ngày 10/11/2013 âm lịch, có 19 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng hụi sống đến kỳ thứ 18 và hốt chót với số tiền là 18.000.000 đồng, trừ huê hồng đầu thảo 300.000 đồng thì bà T và ông Tr phải giao cho bà số tiền là 17.700.000 đồng.

Tuy nhiên, từ khi dây hụi mãn cho đến nay nhưng vợ chồng ông Tr và bà T chỉ thanh toán cho bà 2.600.000 đồng, còn nợ lại 15.100.000 đồng thì ngưng luôn. Bà có đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Tr và bà T cứ hẹn lần lựa kéo dài không chịu trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T phải cùng chịu trách nhiệm trả lại số tiền hụi còn nợ là 15.100.000 đồng.

* Bị đơn bà Phùng Thị T trình bày:

Bà Phạm Thị A có tham gia chơi hụi do bà làm đầu thảo. Cụ thể:

+ Dây hụi tháng 1.000.000 đồng/phần, khui ngày 10/11/2013 âm lịch, có 19 phần, bà A tham gia 01 phần, đã đóng hụi sống đến kỳ thứ 18 và hốt chót với số tiền là 18.000.000 đồng, trừ huê hồng đầu thảo 300.000 đồng thì bà phải giao cho bà A số tiền là 17.700.000 đồng.

Sau khi dây hụi mãn, bà nhiều lần trả tiền hụi cho bà A với số tiền là 6.700.000 đồng, hiện chỉ còn nợ 11.000.000 đồng. Khi trả tiền hụi cho bà A thì bà giao cho ông NLQ1 (là chồng bà A) nhưng không có làm biên nhận gì. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền hụi còn nợ là 11.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng đến khi xong nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T không thừa nhận việc bà A có tham gia dây hụi tháng 1.000.000 đồng/phần, khui ngày 10/11/2013 âm lịch, cho nên bà T không đồng ý thanh toán tiền hụi gì cho bà A.

* Bị đơn ông Lê Minh Tr có đơn xin vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 trình bày:

Ông là chồng của bà Phạm Thị A. Ông có biết việc bà A tham gia chơi hụi do vợ chồng ông Tr, bà T làm đầu thảo. Ông thừa nhận nhiều lần nhận tiền hụi của bà T trả cho vợ ông là bà A với số tiền là 2.600.000 đồng. Riêng về ý kiến của bà T cho rằng ông có nhận 6.700.000 đồng tiền giao hụi là không đúng.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2018/DS-ST ngày 10/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị A.

Buộc ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị A 15.100.000 đồng tiền góp hụi còn nợ.

[2] Về án phí, chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng theo biên lai thu số 07964 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T phải cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 755.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 24 tháng 5 năm 2018, bị đơn ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu: chấp nhận cho bà T trả cho bà A tiền hụi là 11.000.000 đồng và xác định ông Lê Minh Tr không có liên quan trong vụ kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi.

* Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự trình bày:

- Bị đơn bà Phùng Thị T thừa nhận có làm đầu thảo hụi và nợ tiền hụi của bà A. Bà A tham gia một phần, sau khi hốt hụi kỳ cuối được tổng cộng 18.000.000 đồng, trừ đầu thảo 300.000 đồng, còn lại 17.700.000 đồng, sau đó bà có trả cho chồng bà A là ông Tâm số tiền 6.700.000 đồng, nên bà chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền còn lại là 11.000.000 đồng, không đồng ý với số tiền mà bà A yêu cầu 15.100.000 đồng và bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không buộc chồng bà là ông Lê Minh Tr cùng trả tiền nợ hụi cho bà A vì bà cho rằng ông Tr không liên quan đến việc làm đầu thảo hụi của bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T cũng không cung cấp, bổ sung tài liệu, chứng cứ gì khác về nội dung kháng cáo của bà.

- Nguyên đơn bà Phạm Thị A không đồng ý với ý kiến của bị đơn, tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kết quả xét xử của Tòa án nhân dân huyện C, buộc bà T, ông Tr trả cho bà bà số tiền nợ hụi là 15.100.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 (chồng bà A) trình bày: có nhận tiền của bà T trả trong số tiền nợ hụi tổng cộng là 2.600.000 đồng, ngoài ra không nhận số tiền nào khác, khi đến nhà đòi thì bà T mới trả. Bà T khai trả 6.700.000 đồng là không đúng, bà T khi trả tiền cũng không có làm biên nhận, nên tôi cũng yêu cầu bà T, ông Tr có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ hụi cho vợ chồng tôi là 15.100.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- *Về tố tụng*: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa các đương sự Phạm Thị A, Phùng Thị T, Lê Minh Tr là có căn cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Phùng Thị T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh nội dung

kháng cáo. Căn cứ vào diễn biến phiên tòa, lời bày của các đương sự là không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ y bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là hợp đồng góp hụi là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo pháp luật tố tụng dân sự. Việc bị đơn Lê Minh Tr vắng mặt dù đã được Tòa án cấp phúc thẩm tống đạt hợp lệ và bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy việc vắng mặt của bị đơn Lê Minh Tr không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn Lê Minh Tr.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Phùng Thị T thừa nhận nguyên đơn bà Phạm Thị A có chơi hụi do bà làm chủ hụi và thừa nhận tiền nợ hụi như đã khai "Tờ tự khai về việc góp hụi ngày 19/01/2018 (Bút lục số 16) bà Phùng Thị T thừa nhận việc làm chủ hụi và bà có cho bà A tham gia chơi 01 phần hụi tháng loại 1.000.000 đồng, mở ngày 10/11AL năm 2013, có 19 phần, đến tháng 3AL năm 2015 mãn hụi, bà A hốt hụi tổng số tiền là 18.000.000 đồng, trừ đầu thảo 300.000 đồng, còn lại 17.700.000 đồng…" cho thấy bà đã thừa nhận việc chơi hụi, số tiền hốt hụi, tiền đầu thảo và số tiền còn nợ lại bà A và xin bà A xin trả dần hàng tháng do không còn khả năng trả nợ do bể hụi.

Từ những chứng cứ trên, nhận thấy việc bà T thừa nhận nợ tiền hụi của bà A là có căn cứ, nên việc bà A yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền nợ hụi 15.100.000 đồng là có cơ sở, căn cứ để chấp nhận.

[3] Trong đơn yêu cầu khởi kiện của bà A, người bị kiện gồm có ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T (ông Tr là chồng của bà T), bà T cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Tr cùng bà trả nợ là không có căn cứ vì ông Tr là chồng bà nhưng không có liên quan đến việc khui hụi, góp hụi, bà T làm chủ thảo ông Tr không biết. Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập ông Tr để làm việc nhưng ông Tr vắng mặt không lý do và không hợp tác để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh trong việc giải quyết vụ án. Ủy ban nhân dân xã M cung cấp thông tin tại Công văn số: 98/UBND-TP ngày 26/3/2018 do Phó Chủ tịch xã Phạm Quang T ký thể hiện ông Tr và T là vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, thực tế ông Tr, bà T có cuộc sống chung và coi nhau như vợ chồng và có con chung, cùng sinh sống và làm hụi để phục vụ nhu cầu sinh sống của gia đình. Theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với các giao dịch do một bên thực hiện trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Tr là chồng của bà T nên phải có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm trong vụ án là có căn cứ, yêu cầu kháng áo của bà T không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Bà T còn kháng cáo cho rằng chỉ đồng ý trả cho bà A số tiền 11.000.000 đồng, không đồng ý trả số tiền 15.100.000 đồng như bà A yêu cầu vì bà cho rằng đã trả cho bà A 6.700.000 đồng. Theo lời trình bày và các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy: bà T không chứng minh được đã trả số tiền 6.700.000 đồng cho bà A, bà A thừa nhận chỉ nhận 2.600.000 đồng, nên không có căn cứ xem xét chấp nhận cho bà T về khoản tiền 6.700.000 đồng mà chỉ chấp nhận số tiền đã trả cho bà A là 2.600.000 đồng, do đó bà T phải tiếp tục trả cho bà A số tiền nợ hụi còn lại cho bà A là 15.100.000 đồng.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do đơn kháng cáo của bà T, ông Tr không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357 và 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 30 và 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Minh Tr, bà Phùng Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2018/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị A.

Buộc ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T cùng chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị A 15.100.000 đồng tiền góp hụi còn nợ, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phạm Thị A có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bà Phùng Thị T, ông Lê Minh Tr chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền do các bên không có thỏa thuận thực hiện theo khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.125.000 đồng theo biên lai thu số 07964 ngày 12/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ông Lê Minh Tr và bà Phùng Thị T phải cùng chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 755.000 đồng.

+ Án phí phúc thẩm:

Ông Lê Minh Tr, bà Phùng Thị T có nghĩa vụ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 08735 ngày 24/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh TG;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Hiệp